**THÔNG BÁO**

**Về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ**

**và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trình độ đại học**

**của Học viện Quản lý giáo dục**

**QUY ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trình độ đại học của Học viện Quản lý giáo dục**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 960 /QĐ-HVQLGD ngày 19 tháng 9 năm 2025*

*của Giám đốc Học viện quản lý giáo dục)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định về chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ (CĐR NLNN) và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (CNTT) đối với sinh viên đại học của Học viện Quản lý giáo dục (HVQLGD).
2. Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ và chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng CNTT được áp dụng khi xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên.
3. Quy định này không áp dụng đối với sinh viên là người nước ngoài.

**Điều 2. Quy định về chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ**

1. Chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ là điều kiện bắt buộc khi xét công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên. Tại thời điểm xét tốt nghiệp, nếu sinh viên chưa đạt CĐR NLNN sẽ không được công nhận tốt nghiệp.
2. Sinh viên tốt nghiệp các chương trình đào tạo đại học của Học viện Quản lý giáo dục phải đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

**Điều 3. Công nhận đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ**

1. Học viện Quản lý giáo dục sử dụng các bài thi và chứng chỉ ngoại ngữ trong nước và quốc tế trên cơ sở tham chiếu với khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc tổ chức giảng dạy, đánh giá và công nhận chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ của sinh viên.
2. Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học của HVQLGD đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ khi đáp ứng được một trong các điều kiện sau:
3. Có kết quả đánh giá đạt trình độ tiếng Anh theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh do Học viện Quản lý giáo dục tổ chức.
4. Có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 trở lên theo quy định tại **Phụ lục 1 và Phụ lục 2**.
5. Tốt nghiệp Cao đẳng tại các cơ sở đào tạo bằng ngoại ngữ ở Việt Nam hoặc nước ngoài trở lên.
6. Quy định này không áp dụng cho sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.
7. Các trường hợp khác do Hội đồng xét chuẩn đầu ra đề xuất và Giám đốc quyết định.

**Điều 4. Quy định về chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**

1. Chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin là điều kiện bắt buộc khi xét công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên. Tại thời điểm xét tốt nghiệp, nếu sinh viên chưa đạt CĐR kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin sẽ không được công nhận tốt nghiệp.
2. Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học của HVQLGD đạt chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

**Điều 5.** **Công nhận đạt chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**

1. Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học của HVQLGD đạt chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản khi đáp ứng được một trong các điều kiện sau:
2. Chứng chỉ kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản/nâng cao do các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ.
3. Có chứng chỉ tin học quốc tế theo quy định tại **Phụ lục 3.**
4. Tốt nghiệp trình độ trung cấp trong và ngoài nước ngành Công nghệ thông tin trở lên
5. Quy định này không áp dụng cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin.
6. Các trường hợp khác do Hội đồng xét chuẩn đầu ra đề xuất và Giám đốc quyết định.

**Điều 6. Quy trình xét công nhận đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ và chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**

1. Trước các đợt xét chuẩn đầu ra, sinh viên nộp chứng chỉ để xét công nhận chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin tới Phòng Quản lý đào tạo – Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên. Sinh viên chịu trách nhiệm về tính xác thực và pháp lý của chứng chỉ.
2. Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục – Thanh tra chịu trách nhiệm rà soát, xác minh chứng chỉ của sinh viên và tổng hợp kết quả gửi Phòng Quản lý đào tạo – Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên.
3. Phòng Quản lý đào tạo – Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên tổng hợp, tham mưu và trình Giám đốc Học viện ra quyết định đạt chuẩn đầu ra năng lực ngoại ngữ, chuẩn đầu ra kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Phòng Quản lý đào tạo – Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên cập nhật kết quả công nhận các chuẩn đầu ra và thông báo tới sinh viên.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện**

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng cho các khóa tuyển sinh năm 2025. Các khóa tuyển sinh trước năm 2025 sẽ áp dụng các quy định tương ứng với các khóa đào tạo và được áp dụng các nội dung của quy định này theo hướng thuận lợi cho sinh viên.
2. Trưởng phòng Quản lý đào tạo – Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên, Trưởng các đơn vị đào tạo, các đơn vị, cá nhận có liên quan và sinh viên đại học chính quy chịu trách nhiệm thi hành quy định này.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần rà soát, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Quản lý đào tạo – Giáo dục chính trị và Công tác sinh viên để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Giám đốc xem xét, quyết định.

**PHỤ LỤC 1: Các chứng chỉ tiếng Anh tương đương**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam** | **Các chứng chỉ tiếng Anh tương đương** | | | | | | | |
| VSTEP | IELTS | TOEFL iBT | TOEIC | Cambridge ESOL (PET) | APTIS ESOL | PTE Academic | PEIC |
| Bậc 3 | Bậc 3  4.0 | 4.5 | 45 | Nghe+Đọc: 450  Nói+Viết: 190 | 140 | B1 | 30 | Level 2 |

**PHỤ LỤC 2: Các chứng chỉ ngoại ngữ khác**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam** | **Tiếng Pháp** | | **Tiếng Trung Quốc** | | **Tiếng Hàn Quốc** | **Tiếng Nhật** | | |
| DEFL và DALF | TCF | HSK | TOCFL | TOPIK | JLPT | NAT-TEST | TOP-J |
| Bậc 3 | Delf B1 | TCF B1  (300-399 điểm) | Level 3  Điểm đạt: 180/200 | Level 3: Điểm đạt 46/80 | Cấp 3 | N3 | 3 Kyu | Trung cấp 3 |

**PHỤ LỤC 3: Các chứng chỉ tin học quốc tế được công nhận đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Chứng chỉ** |
| 1 | Chứng chỉ tin học quốc tế IC3 của Tổ chức Tin học thế giới (Certiport) |
| 2 | Chứng chỉ tin học quốc tế MOS cho 3 kỹ năng Word, Excel, Powerpoint của Tổ chức Tin học thế giới (Certiport) |
| 3 | Chứng chỉ tin học quốc tế ICDL cơ bản gồm 5 kỹ năng của Tổ chức ECDL/ICDL Foundation |